

1. Dân số

Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/12/2006, dân số tỉnh Phú Yên có 873.460 người. Giai đoạn năm 2006-2010, tốc độ tăng dân số bình quân mỗi năm 1,26%, dự báo đến năm 2010, dân số tỉnh Phú Yên có khoảng 916.500 người. Giai đoạn năm 2011-2020 tốc độ tăng dân số bình quân mỗi năm 1,15%, dự báo đến năm 2020 dân số có khoảng 1.025.000 người. *(Xem phụ biểu số 01)*

2. Lao động

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có khả năng tham gia hoạt động kinh tế năm 2006 là 472.270 người (chiếm 54,07% dân số), chia theo khu vực thành thị: 97.990 người (chiếm tỉ lệ 20,75%); nông thôn: 374.280 người (chiếm tỉ lệ 79,25%). Dự báo đến năm 2010: 503.800 người và đến năm 2020: 574.000 người. *(Xem phụ biểu số 02)*

3. Cơ cấu lao động

Năm 2006, lao động đang làm việc ở các ngành: nông - lâm - ngư nghiệp 218.132 người, chiếm tỉ lệ 48,24%; công nghiệp - xây dựng 111.232 người, chiếm tỉ lệ 24,6%; thương mại - dịch vụ 122.807 người, chiếm tỉ lệ 20,4%.

Dự báo đến năm 2010, cơ cấu lao động ở các ngành: nông - lâm - ngư nghiệp 117.466 người, chiếm tỉ lệ 24%; công nghiệp - xây dựng 190.882 người, chiếm tỉ lệ 39%; thương mại - dịch vụ 181.092 người, chiếm tỉ lệ 37%.

Đến năm 2020, nông - lâm - ngư nghiệp 54.000 người, chiếm tỉ lệ 10%; công nghiệp - xây dựng 253.800 người, chiếm tỉ lệ 47%; thương mại - dịch vụ 232.200 người, chiếm tỉ lệ 43%. *(Xem phụ biểu số 03)*

4. Dự báo tình hình lao động - việc làm đến năm 2010 và sau 2010 đến năm 2020

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2010:

Tình hình lao động việc làm mỗi năm có khoảng trên 1,5 vạn người đến tuổi, học sinh thôi học, sinh viên tốt nghiệp ra trường, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương cần có việc làm; trên 1 vạn lao động chuyển đổi ngành nghề từ nông - lâm- ngư nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Mặt khác có trên 7 vạn lao động ở vùng nông thôn thiếu việc làm, có thu nhập thấp.

b) Giai đoạn sau 2010 đến năm 2020:

Tình hình lao động việc làm mỗi năm có khoảng trên 2 vạn lao động có nhu cầu tìm việc làm, trên 1,5 vạn lao động chuyển đổi ngành nghề từ nông nghiệp sang

công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, và trên 9 vạn người ở vùng nông thôn thiếu việc làm, cần có thêm việc làm để có thu nhập cao hơn.

Đây là một trong những vấn đề bức xúc của xã hội, sự cần thiết phải có hệ thống Trung tâm Giới thiệu việc làm được quy hoạch một cách hợp lý, để giúp cho người lao động, nhất là lao động ở vùng nông thôn, lao động ở độ tuổi thanh niên chưa có việc làm, tìm được việc làm phù hợp với khả năng và nguyện vọng, theo nhu cầu thị trường lao động trong nước và nước ngoài đang cần tuyển dụng.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VỀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. Thuận lợi

- Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư phát triển mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, kinh doanh các ngành nghề dịch vụ, nhu cầu tuyển dụng lao động số lượng lớn, cơ hội tìm việc làm sẽ rộng mở, người lao động tự do lựa chọn việc làm phù hợp, để nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống.

- Lực lượng lao động có nhu cầu tìm việc làm, đa số là lao động trẻ, trình độ học vấn khá, có khả năng tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học công nghệ mới, ham học hỏi, chịu khó cù trong lao động. Đây là những lợi thế mà các nhà tuyển dụng rất cần.

- Hệ thống pháp luật và các chính sách an sinh xã hội được đổi mới, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, tạo mối quan hệ lao động hài hòa, lành mạnh, để cùng tồn tại và phát triển.

- Nhà nước quan tâm đầu tư, khuyến khích phát triển mở rộng các hoạt động giới thiệu việc làm, để đáp ứng cung - cầu thị trường lao động trong nước và nước ngoài.

2. Khó khăn

- Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, thể lực... còn nhiều hạn chế, nên rất khó tìm được việc làm ở trong nước cũng như đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có thu nhập cao.

- Số lượng lao động thất nghiệp, thiếu việc làm, đang cần chuyển đổi nghề nghiệp ngày càng tăng cao; một số doanh nghiệp không đứng vững trong cơ chế thị trường, sản xuất kinh doanh thua lỗ, dẫn đến giải thể, phá sản, nguy cơ hàng loạt lao động mất việc làm.

- Tốc độ đô thị hóa nhanh, đồng thời sự phát triển các khu công nghiệp; các cụm, điểm công nghiệp dẫn đến đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, nông dân thiếu

việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn, gây khó khăn trong việc chuyển đổi ngành nghề từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

- Sự chuyển dịch lao động từ nông thôn lên thành thị, nhất là ở các khu công nghiệp sẽ tăng đột biến, kéo theo những vấn đề xã hội mới như: nhà ở, điều kiện sinh hoạt, tệ nạn xã hội, tranh chấp lao động xảy ra rất phức tạp.

Trên đây là những vấn đề thuận lợi và khó khăn, đòi hỏi sự quy hoạch hệ thống Trung tâm Giới thiệu việc làm một cách hợp lý, theo hướng phát triển thị trường lao động đang cần, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, nhằm góp phần hoàn thành mục tiêu chương trình giải quyết việc làm từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Giai đoạn 2006-2010 đảm bảo việc làm có thu nhập và ổn định cuộc sống cho những người đang có việc làm, đồng thời giảm tối đa số người đang thất nghiệp, thiếu việc làm, góp phần tạo việc làm mới bình quân 25.000 lao động/năm. Định hướng đến năm 2020 tạo việc làm mới bình quân 30.000 lao động/năm.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo việc làm mới cho 25.000 lao động/năm giai đoạn 2006-2010; tạo nguồn đưa 1.500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; Đến năm 2020 tạo việc làm mới bình quân 30.000 lao động/năm, tạo nguồn đưa 3.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị xuống còn 4%, giảm tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn xuống còn 10% vào năm 2010; đến năm 2020 giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3,8%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 84%.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với dịch chuyển cơ cấu kinh tế, theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp. Cơ cấu kinh tế năm 2010 là công nghiệp - xây dựng 39%, nông - lâm - ngư nghiệp 24%, dịch vụ 37%. Đến năm 2020 là công nghiệp - xây dựng 47%, nông - lâm - ngư nghiệp 10%, dịch vụ 43%.

IV. XÁC ĐỊNH HỆ THỐNG TRUNG TÂM GIỚI THIỆU VIỆC LÀM ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XIV; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020; Nghị quyết số 65/2006/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2006 của HĐND tỉnh Phú Yên về giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo, xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo giai đoạn

2006-2010; dự báo tình hình lao động - việc làm và xu thế phát triển thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Hệ thống Trung tâm Giới thiệu việc làm được quy hoạch như sau:

1. Giai đoạn từ nay đến năm 2010

a) Giữ nguyên 04 Trung tâm Giới thiệu việc làm hiện có gồm:

+ Trung tâm Giới thiệu việc làm Phú Yên thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh.

+ Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Hội Nông dân tỉnh.

+ Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên thuộc Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Phú Yên.

b) Tiếp tục đầu tư nâng cấp và mở rộng Trung tâm Giới thiệu việc làm Phú Yên thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên thuộc Hội Liên hiệp Thanh niên Phú Yên, đủ điều kiện hoạt động: tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động trong nước và nước ngoài.

c) Đến năm 2010 mỗi huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều thành lập 01 Trung tâm Dạy nghề và giao thêm nhiệm vụ giới thiệu việc làm cho Trung tâm Dạy nghề cấp huyện, giúp cho lao động địa phương, nhất là lực lượng thanh niên sau khi đào tạo nghề tìm được việc làm ổn định, từng bước nâng cao thu nhập ổn định cuộc sống.

d) Các hội, đoàn thể, các tổ chức xã hội, trường đào tạo nghề, doanh nghiệp nếu có đủ điều kiện qui định của pháp luật và có đủ năng lực hoạt động tư vấn, cung ứng và giới thiệu việc làm, cho thành lập mới 1-2 trung tâm để mở rộng mạng lưới giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thị trường lao động đang cần.

2. Giai đoạn sau 2010 và tầm nhìn đến 2020

a) Tiếp tục đầu tư mở rộng Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên thuộc Hội Liên hiệp Thanh niên Phú Yên. Trong đó xác định nhiệm vụ của Trung tâm Giới thiệu việc làm Phú Yên thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị đầu mối phối hợp với các Trung tâm Dạy nghề huyện, thành phố, giới thiệu việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên có nhiệm vụ phối hợp với các huyện - thành Đoàn giới thiệu việc làm cho lực lượng thanh niên trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Liên đoàn Lao động và Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Hội Nông dân tỉnh có nhiệm vụ đào tạo nghề ngắn hạn và giới thiệu việc làm cho người lao động trong hội, đoàn thể mình và lao động xã hội.

b) Tập trung đầu tư mua sắm các trang thiết bị hiện đại, tạo điều kiện cho các Trung tâm Giới thiệu việc làm và các Trung tâm Dạy nghề hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm. Đặc biệt mỗi huyện thông qua Trung tâm Dạy nghề hình thành 01 điểm giao dịch việc làm; tại thành phố Tuy Hòa hình thành 01 sàn giao dịch việc làm và huyện Sông Cầu 01 sàn giao dịch việc làm (dự kiến huyện Sông Cầu), cung cấp đầy đủ thông tin về nhu cầu tuyển lao động của các doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và đi xuất khẩu lao động; giúp cho người lao động đăng ký tìm việc làm trên mạng. Tại các điểm, sàn giao dịch sẽ là nơi diễn ra các phiên giao dịch “người tìm việc - việc tìm người” sinh động, sôi nổi và nhanh chóng đi đến thống nhất giao kết hợp đồng lao động, đáp ứng kịp thời cung - cầu thị trường lao động đang cần.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa về giới thiệu việc làm, củng cố các trung tâm hiện có đồng thời mở rộng cho thành lập mới từ 3-5 Trung tâm Giới thiệu việc làm các hội, đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, trường đào tạo nghề và kể cả tư nhân nếu có đủ điều kiện theo qui định của pháp luật.

V. NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ

Để tạo điều kiện cho các Trung tâm Giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh Phú Yên có đủ năng lực hoạt động, cần phải có sự huy động từ nhiều nguồn đầu tư: nguồn vốn Trung ương, nguồn vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác. Cụ thể như sau:

1. Đối với Trung tâm Giới thiệu việc làm Phú Yên thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2010:

Tập trung đầu tư nâng cao năng lực hoạt động, xây dựng sàn giao dịch việc làm, cung cấp đầy đủ thông tin về nhu cầu tuyển lao động của các doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và đi xuất khẩu lao động; giúp cho người lao động đăng ký tìm việc làm (trên mạng Internet) một cách nhanh chóng, dễ dàng, hiệu quả, đáp ứng kịp thời cung - cầu thị trường lao động đang cần.

Tổng kinh phí: 3.000.000.000 đồng; trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương 2.000.000.000 đồng, từ ngân sách địa phương 1.000.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Xây dựng cơ bản: 2.000.000.000 đồng. Trong đó: ngân sách Trung ương đầu tư 1.000.000.000 đồng, ngân sách địa phương 1.000.000.000 đồng.

- Mua sắm thiết bị: 1.000.000.000 đồng, ngân sách Trung ương đầu tư.

b) Giai đoạn sau năm 2010 đến năm 2020:

Tập trung đầu tư nâng cao năng lực hoạt động.

Tổng kinh phí: 5.000.000.000 đồng; trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương 3.500.000.000 đồng, từ ngân sách địa phương 1.500.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Xây dựng cơ bản: 2.500.000.000 đồng. Trong đó: ngân sách Trung ương đầu tư 1.500.000.000 đồng, ngân sách địa phương 1.000.000.000 đồng.

- Mua sắm thiết bị: 2.500.000.000 đồng. Trong đó: ngân sách Trung ương đầu tư 2.000.000.000 đồng, ngân sách địa phương 500.000.000 đồng.

2. Đối với Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên, thuộc Hội Liên hiệp Thanh niên Phú Yên

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2010:

Tập trung đầu tư nâng cao năng lực hoạt động, cụ thể như sau:

- Tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh, các sở, ban, ngành tạo điều kiện xác định vị trí đất xây dựng Trung tâm Giới thiệu việc làm thanh niên (hiện chưa có trụ sở làm việc).

- Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần.

- Tranh thủ nguồn vốn Trung ương Đoàn hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, đảm bảo hoạt động tư vấn, cung ứng, giới thiệu việc làm, đáp ứng cung - cầu lao động đang cần và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Giai đoạn sau năm 2010 đến năm 2020:

Tập trung đầu tư nâng cao năng lực hoạt động, chủ yếu tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ nguồn vốn Trung ương Đoàn hỗ trợ đầu tư.

3. Đối với Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh và Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Hội Nông dân tỉnh

Các trung tâm lập dự án xin đầu tư nâng cấp, để nâng cao năng lực hoạt động: tư vấn, cung ứng, giới thiệu việc làm, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động đang cần, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trình cho hội, đoàn thể cấp tỉnh đề nghị hội, đoàn thể Trung ương xem xét đầu tư.

4. Đối với các hội, đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và trường dạy nghề

Nếu có nhu cầu và hội đủ các điều kiện theo qui định của pháp luật, lập dự án xin thành lập Trung tâm Giới thiệu việc làm, gửi về Sở Lao động - Thương binh và

Xã hội tỉnh Phú Yên để phối hợp với các ngành chức năng thẩm định, trình UBND tỉnh cấp phép hoạt động giới thiệu việc làm. Kinh phí thực hiện do đơn vị tự đầu tư.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Nhằm tạo điều kiện để các Trung tâm Giới thiệu việc làm và các doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh Phú Yên sớm được hình thành, củng cố nâng cấp và đi vào hoạt động hiệu quả, theo đúng hướng phát triển thị trường lao động, hướng tới hội nhập kinh tế quốc tế, giai đoạn từ nay đến năm 2020, cần thực hiện một số giải pháp như sau:

1. Ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương cần tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực hoạt động đội ngũ cán bộ Trung tâm Giới thiệu việc làm Phú Yên, đảm bảo có đủ năng lực hoạt động, tạo cơ hội tốt nhất cho người lao động và doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận thông tin thị trường lao động chính xác; đặc biệt đối với người lao động lứa tuổi thanh niên ở vùng nông thôn, miền núi.

2. Các địa phương cần quan tâm đến công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm. Các Trung tâm Giới thiệu việc làm tăng cường công tác nắm bắt thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu lao động, phối hợp chặt chẽ với các Trung tâm Dạy nghề huyện, thành phố tổ chức điểm giao dịch, sàn giao dịch việc làm đến tận xã, phường, thị trấn, thông tin rộng rãi về thị trường lao động để người lao động có cơ hội tìm việc làm thích hợp và người sử dụng lao động tuyển dụng được lao động đang cần.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính cân đối ngân sách đưa vào quy hoạch đầu tư xây dựng theo tiến độ.

4. Các Trung tâm Giới thiệu việc làm hội, đoàn thể Phú Yên báo cáo với cơ quan chủ quản về việc xây dựng các đề án nâng cao năng lực hoạt động giai đoạn từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, để chủ động phát triển đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và nước ngoài.

5. Cần có các biện pháp và những chính sách khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động giới thiệu việc làm, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện được phép hoạt động giới thiệu việc làm, nhằm tạo thêm nguồn lực đầu tư phát triển thị trường lao động theo xu hướng hội nhập, tăng sức cạnh tranh nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

- Là cơ quan có trách nhiệm phối hợp với các ngành, các cấp, các đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch hệ thống Trung tâm Giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2010 và tầm nhìn 2020.

- Phối hợp với các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các ngành liên quan xây dựng dự án nâng cao năng lực Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Phú Yên và xây dựng sản giao dịch việc làm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Tạo điều kiện thuận lợi về ưu tiên bố trí địa điểm thích hợp, vị trí nằm ở trung tâm khu dân cư nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động và hoạt động của các Trung tâm Giới thiệu việc làm trên địa bàn của các huyện, thành phố, đem lại hiệu quả.

3. Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các ngành liên quan với chức năng nhiệm vụ của mình, triển khai thực hiện Quy hoạch đạt mục tiêu đề ra./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Kim Anh

Biểu 1: QUY MÔ DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

Các chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2020
Tổng dân số	861.110	873.460	884.810	895.960	906.890	916.500	1.025.000
Nam	427.342	433.470	439.110	444.640	450.060	454.830	510.000
Nữ	433.768	439.990	445.700	451.320	456.830	461.670	515.000
Thành thị	173.132	180.810	198.200	213.240	229.440	245.620	461.250
Nông thôn	687.978	692.650	686.610	682.720	677.450	670.880	563.750
Tỷ lệ DS thành thị (%)	20,1	20,7	22,4	23,8	25,5	26,8	45
Tỷ lệ DS nông thôn (%)	79,9	79,3	77,6	76,2	74,5	73,2	55

Biểu 2: LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THƯỜNG XUYÊN

Năm	Tổng dân số	15 tuổi trở lên tham gia HĐKT thường xuyên	Tỷ lệ % so với dân số	Chia ra			
				Thành thị	Tỷ lệ %	Nông thôn	Tỷ lệ %
2005	861.110	463.920	53,87	87.195	18,80	376.725	81,20
2006	873.460	472.270	54,07	97.990	20,75	374.280	79,25
2007	884.810	480.450	54,30	107.620	22,40	372.830	77,60
2008	895.960	488.570	54,53	117.180	23,98	371.390	76,00
2009	906.890	496.520	54,75	126.560	25,50	369.960	74,50
2010	916.500	503.800	54,97	135.250	26,85	368.550	73,15
2015	971.000	538.900	55,49	197.125	36,57	341.775	63,43
2020	1.025.000	574.000	56,00	259.000	45,00	315.000	55,00

Biểu 3: CƠ CẤU LAO ĐỘNG HÀNG NĂM THEO TỪNG NGÀNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

Năm	Chung	Nông-lâm-ngư nghiệp		Công nghiệp-xây dựng		Thương mại-dịch vụ	
		Người	Tỷ lệ %	Người	Tỷ lệ %	Người	Tỷ lệ %
2005	443.297	240.710	54,3	93.092	21	109.495	24,7
2006	452.163	218.123	48,24	111.232	24,6	122.807	20,4
2007	461.210	194.538	42,18	130.061	28,2	136.610	21,3
2008	470.430	169.919	36,12	149.597	31,8	150.914	22,1
2009	479.840	144.240	30,06	169.863	35,4	165.737	23
2010	489.440	117.466	24	190.882	39	181.092	37
2015	514.720	87.502	17	221.330	43	205.888	40
2020	540.000	54.000	10	253.800	47	232.200	43

Biểu 4: DỰ BÁO QUI MÔ DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

TT	Huyện, thành phố	Năm 2006	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1.	Huyện Sông Cầu	96.918	101.690	107.740	113.750
2.	Huyện Đồng Xuân	62.600	65.690	69.590	73.000
3.	Huyện Tuy An	131.030	137.480	145.650	154.000
4.	Huyện Phú Hòa	105.243	110.430	116.900	123.000
5.	Huyện Sơn Hòa	52.695	55.290	58.570	61.000
6.	Huyện Sông Hinh	39.865	41.830	44.300	46.500
7.	Huyện Tây Hòa	122.346	128.370	136.100	143.000
8.	Huyện Đông Hòa	116.898	122.660	129.900	137.250
9.	Thành phố Tuy Hòa	145.865	153.060	162.250	173.500
	Tổng cộng toàn tỉnh	873.460	916.500	971.000	1.025.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG CẦU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2007/NQ-HĐND

Sông Cầu, ngày 26 tháng 10 năm 2007

NGHỊ QUYẾT
Về phân loại đơn vị hành chính huyện Sông Cầu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG CẦU
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 11 (Bất thường)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện;

Thực hiện Chỉ thị số 25/2007/CT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc triển khai thực hiện Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện;

Sau khi xem xét Tờ trình số 150/TTr-UB ngày 12 tháng 10 năm 2007 và Đề án phân loại đơn vị hành chính huyện Sông Cầu của UBND huyện, báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện Sông Cầu tán thành Tờ trình và Đề án phân loại đơn vị hành chính huyện Sông Cầu theo các tiêu chí như sau:

- Diện tích tự nhiên: 48.730 ha, được tính 104,55 điểm;
- Dân số: 97.689 nhân khẩu, được tính 118,12 điểm;
- Các yếu tố đặc thù:

+ Tỷ lệ thu ngân sách (2004, 2005, 2006): 122,15%, được tính 9,43 điểm;

+ Khu vực biên giới biển (08 xã, thị trấn), được tính 20 điểm;

+ Xã miền núi (01 xã), được tính 01 điểm;

Tổng cộng: 253 điểm; Xếp loại II.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ phân loại đơn vị hành chính huyện Sông Cầu trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Sông Cầu khóa IX, kỳ họp lần thứ 11 (bất thường) thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hiệp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG CẦU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15/2007/NQ-HĐND

Sông Cầu, ngày 26 tháng 10 năm 2007

NGHỊ QUYẾT
Về phân loại đô thị thị trấn Sông Cầu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG CẦU
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 11 (Bất thường)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị;

Căn cứ Thông tư số 02/2002/TTLT-BXD-TCCBCP ngày 08 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ hướng dẫn về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị;

Căn cứ Kết luận số 106-KL/TU ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên;

Căn cứ Kết luận số 46-KL/HU ngày 01 tháng 10 năm 2007 của Ban Thường vụ Huyện ủy Sông Cầu;

Sau khi xem xét Tờ trình số 147/TTr-UB ngày 05 tháng 10 năm 2007 và Đề án phân loại đô thị thị trấn Sông Cầu của UBND huyện Sông Cầu, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện Sông Cầu tán thành Tờ trình và Đề án phân loại đô thị thị trấn Sông Cầu của UBND huyện trình ra kỳ họp.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ Đề án phân loại đô thị thị trấn Sông Cầu trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Thường trực HĐND, 02 Ban HĐND và các đại biểu HĐND huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Sông Cầu khóa IX, kỳ họp lần thứ 11 (bất thường) thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hiệp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÚ HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/2007/NQ-HĐND

Phú Hòa, ngày 02 tháng 11 năm 2007

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Báo cáo kết quả phân loại
đơn vị hành chính huyện Phú Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11 (Bất thường)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Sau khi xem xét Tờ trình số 439/TTr-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2007 của UBND huyện Phú Hòa “Về việc trình Báo cáo kết quả phân loại đơn vị hành chính huyện Phú Hòa”, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua “Báo cáo kết quả phân loại đơn vị hành chính huyện Phú Hòa” theo các tiêu chí phân loại tại Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện, cụ thể:

Phân loại đơn vị hành chính huyện Phú Hòa đạt loại II.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Hòa khóa IX, kỳ họp thứ 11 (bất thường) thông qua ngày 01 tháng 11 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Hà Trung Kháng